

Bản án số: 225/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-9-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích

Bà Phạm Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2023/QĐ-ST ngày 14/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh ngày 14/3/1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Người được ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng của chị C: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Không triệu tập).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn V, sinh ngày 20/5/1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Nơi thường trú cuối cùng của anh V tại Việt Nam: Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh V được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh V làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn vợ chồng thống nhất cùng đi Đài Loan lao động, anh V đi năm 2013, chị đi năm 2014. Sau khi sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 5/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị về nước sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ giữa tháng 12/2019 đến nay chị và anh V không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 22/11/2012. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị C trình bày: Do công việc bận nên chị đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, vắng mặt tại các phiên tòa xét xử, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Chị đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án.

Anh Hoàng Văn V là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 31/7/2023 và 11/8/2023, anh Hoàng Văn C là anh trai anh Hoàng Văn V cho biết:

Về hôn nhân của anh V, chị C: Anh V, chị C được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị C về nhà anh V làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên sau khi cưới một thời gian anh V, chị C cùng sang Đài Loan lao động. Sang Đài Loan một thời gian anh V, chị C phát sinh mâu thuẫn nên chị C về nước sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn như theo anh V nói là do bất đồng quan điểm sống. Anh có khuyên bảo anh V, chị C về ở với nhau để chăm sóc con cái nhưng không được.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 22/11/2012, hiện nay cháu M đang sinh sống cùng chị C.

Ngoài ra anh cho biết: Anh V đi lao động tại nước ngoài khi đang sinh sống cùng anh và bố mẹ tại Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan anh V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Anh đã thông báo cho anh V

biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án xin ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị C, anh V. Anh V cho biết: anh đồng ý ly hôn chị C và nhất trí giao con cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, anh V không cung cấp cho địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Hoàng Trà M trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng mẹ nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị C; biên bản lấy lời khai của anh Hoàng Văn C là anh trai anh Hoàng Văn V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Do anh V hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Trà M cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Chị C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị C khởi kiện xin ly hôn anh V và đề nghị giải quyết nuôi con. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại Công văn số 18252/QLXNC-P5 ngày 18/7/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Hoàng Văn V, sinh ngày 20/5/1983 đã xuất nhập cảnh 01 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 24/9/2013, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, anh V được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh V là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt của đương sự:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị C.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, anh C là anh trai anh V, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh V trước khi xuất cảnh lần gần nhất là Thôn C, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh V thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh V biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C và bị đơn là anh Hoàng Văn V. Gia đình anh V cho biết anh V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh V không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh V tại Đài Loan. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tổng đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Hoàng Văn V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/8/2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh V phát sinh mâu thuẫn, chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị C, anh V chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh, chị cùng sang Đài Loan lao động. Tuy nhiên, sau khi sang Đài Loan một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên năm 2019 chị C về nước sinh sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện thoại khuyên bảo anh, chị nhưng không được. Chị C xác định từ tháng 12/2019 đến nay anh, chị không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử

xác định vợ chồng chị C, anh V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh V là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị C, anh V có 01 con chung là cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 22/11/2012. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị C. Sau khi ly hôn chị C đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu giao chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị C: Hội đồng xét xử thấy anh V đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, cháu M đang chung sống ổn định cùng chị C, cháu phát triển bình thường, cháu M trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C. Giao cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 22/11/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo quyền lợi ích mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu M, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Hoàng Văn V thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Hoàng Văn V về Việt Nam hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, anh V có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo quy định Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của

Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo quy định Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh V đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Hoàng Văn V.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Trà M, sinh ngày 22/11/2012 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh Hoàng Văn V thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000123 ngày 13/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

